

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 10/9/2018  
“V/v Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai

*Các hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Bùi Khánh Nam**

2/ Bà **Nguyễn Thúy Phượng**

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông **Phạm Việt Dũng** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã LK.

**- Đại diện VKSND Thị xã LK, tỉnh ĐN tham gia phiên tòa:** Ông **Phạm Văn Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã LK, tỉnh ĐN mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 323/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1983

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Thiện Nghĩa Trung H**, sinh năm 1977

Cùng HKTT: 45/4 Thích Quảng Đức, khu phố 4, phường Xuân An, thị xã LK, tỉnh ĐN.

Cùng cư trú: G54 Hùng Vương, phường Xuân Bình, thị xã LK, ĐN.

*\* Người làm chứng:*

**Chị Liễu Thị V**, sinh năm 1997. Địa chỉ: 57/20, khu phố 4, phường Xuân An, thị xã LK, tỉnh ĐN. Nơi làm việc: G54, Hùng Vương, phường Xuân Bình, thị xã LK, tỉnh ĐN.

**Anh Võ Văn Tr**, Anh **Lê Bác A**. Cùng cư trú làm việc: G54, Hùng Vương, phường Xuân Bình, thị xã LK, tỉnh ĐN.

**Bà Trần Thị H**. Địa chỉ: 57/20, khu phố 4, phường Xuân An, thị xã LK, tỉnh ĐN.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn và những người làm chứng vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2018, bản tự khai ngày 27/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường Xuân An, thị xã LK, tỉnh ĐN cấp giấy chứng nhận kết hôn số 006 ngày 05/01/2007. Lý do nguyên đơn xin ly hôn vì quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do anh H không lo làm ăn, suốt ngày tụ tập bạn bè chơi cờ, cờ bạc. Anh H thường xuyên lấy tiền của chị C để tiêu xài cá nhân và chơi cờ bạc, chị C không đưa thì anh H chửi bới, đập phá đồ đạc trong nhà. Ngoài ra, anh H còn không chung thủy, có tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài, dẫn đến việc bỏ bê gia đình không lo lắng, quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, năm 2016 chị C đã nộp đơn đến Tòa án để yêu cầu ly hôn, nhưng do anh H hứa thay đổi nên chị C đã rút đơn cho anh H cơ hội sửa đổi, nhưng không có kết quả, anh H vẫn tính nào tật đó không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên góp ý nhưng không giải quyết được. Hiện nay, chị C và anh H vẫn còn ở chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Lê Thiện Nghĩa Trung H.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Lê Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 02/7/2009 và Lê Nguyễn Hoài An, sinh ngày 25/11/2014. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của vợ chồng, giấy khai sinh của con chung (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), Quyết định đình chỉ (bản sao); bản tự khai ngày 27/3/2018.

**\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn:** Anh Lê Thiện Nghĩa Trung H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh H đã từ chối đến Tòa án làm việc, không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, cũng như không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

**\* Lời trình bày của những người làm chứng:** Bà Trần Thị H, anh Võ Văn Tr, anh Lê Bác A và chị Liễu Thị V tại (BL 27 - 34):

Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh H thì bà Hoa, anh Trinh, anh Ái, chị Vân không nắm rõ, nhưng đều nghe nói về việc anh H có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Theo bà Hoa (mẹ ruột anh H) cho biết anh H còn ham chơi, cờ bạc và vẫn còn qua lại với người phụ nữ mà anh H quen trước khi kết hôn với chị C, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, không chịu đựng được nên chị C đã nộp đơn xin ly hôn một lần, sau đó rút đơn về để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, nhưng anh H vẫn không thay đổi. Hiện nay, anh H vẫn còn qua lại với người phụ nữ kia. Theo chị Vân thì vợ chồng chị C, anh H sống không hạnh phúc, anh H đã có thời gian sống chung với người phụ nữ khác tại Bình Dương khoảng 2 đến 3 tháng, việc này đã được chị C tha thứ bỏ qua, sau đó quay về LK sống cùng chị C để làm ăn, nhưng vợ chồng vẫn luôn xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc. Ngoài ra, thì bà Hoa, anh Trinh, anh Ái, chị Vân không biết thêm gì về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C với anh H.

**\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thủ tục tố tụng được Tòa án tiến hành đúng quy định; quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; tuy nhiên có vi phạm thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Nguyên đơn chấp hành đầy

đủ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành thủ tục tố tụng theo yêu cầu của Tòa án kể từ thời điểm thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Về việc giải quyết vụ án:

Chị C và anh H sống chung không hạnh phúc do mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tuy vợ chồng vẫn còn sống chung nhưng không ai quan tâm đến ai. Do đó, việc chị C có yêu cầu ly hôn là có cơ sở, phù hợp với quy định tại điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị C và anh H chung sống có 02 con chung là Lê Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 02/7/2009 và Lê Nguyễn Hoài An, sinh ngày 25/11/2014. Xét yêu cầu của chị C và nguyện vọng của con trẻ, nên cần giao các con chung cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim C có đơn khởi kiện đối với anh Lê Thiện Nghĩa Trung H nên chị C được xác định là nguyên đơn, còn anh H là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Thiện Nghĩa Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ (bút lục 11,12). Theo nguyên đơn cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, do bị đơn không quan tâm chăm sóc đến gia đình, không chịu làm ăn mà thường hay tụ tập bạn bè chơi bời, cờ bạc phá tán tài sản trong gia đình. Ngoài ra, bị đơn còn không chung thủy có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, thường kiếm chuyện vô cớ chửi bới nguyên đơn. Mặc dù, mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã được gia đình hai bên hòa giải và nguyên đơn đã cho bị đơn cơ hội rút đơn hàn gắn đoàn tụ vào năm 2016, nhưng không có kết quả. Hiện nay, tuy vợ chồng vẫn còn sống chung nhưng hai bên không còn quan tâm đến nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, mạnh ai nấy sống. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn cương quyết xin ly hôn.

Đối với bị đơn cố tình vắng mặt không đến Tòa án để làm việc, cũng không thể hiện ý chí, quan điểm của mình về quan hệ hôn nhân với nguyên đơn. Từ đó cho thấy bị đơn anh H không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, bỏ mặc hôn nhân của mình, mặc cho hậu quả ly hôn xảy ra; không quan tâm và bất chấp sự hòa giải, can thiệp của pháp luật. Hội đồng xét xử, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị C là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

- Về con chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C và bị đơn anh Lê Thiện Nghĩa Trung H chung sống có 02 con chung là Lê Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 02/7/2009

và Lê Nguyễn Hoài An, sinh ngày 25/11/2014. Xét yêu cầu của nguyên đơn, nguyện vọng của con trẻ và để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung, nên cần thiết giao các cháu Thu Hà và Hoài An cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không có yêu cầu và do bị đơn vắng mặt, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, 227, 228 và Điều 266 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTTQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Lê Thiện Nghĩa Trung H.

2/ Về con chung: Giao các cháu Lê Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 02/7/2009 và Lê Nguyễn Hoài An, sinh ngày 25/11/2014 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H.

Sau khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim C phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Chuyển tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 008266 ngày 14/3/2018 của Cục thi hành án dân sự thị xã LK.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- VKSND TXLK;
- Thi hành án TXLK;
- UBND phường Xuân An;
- Các bên đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Mai**















